

Bản án số: 52/2022/HSST  
Ngày 25 - 11 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Quang Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đăng Hưng và ông Vũ Đức Minh.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

**1. Dương Văn K**, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bon J, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Dương Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1954; có 03 người con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2015;

Nhân thân:

Ngày 10/8/2009, bị Công an huyện T, tỉnh Đắk Nông xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Hủy hoại tài sản*”.

Ngày 31/5/2012, bị TAND huyện T xử phạt 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Ngày 28/4/2016, bị TAND huyện Đ xử phạt 06 tháng tù giam về tội “*Tiêu thụ tài sản do người Kc phạm tội mà có*”.

Ngày 30/3/2017, bị TAND huyện T tuyên phạt 12 tháng tù giam và tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo đã chấp hành xong các bản án trên và được xóa án Tích.

Bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông tại vụ án Kc – có mặt.

**2. Nguyễn Văn T**, sinh năm 1997 tại Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ H, khu phố B, xã Ph, thị xã Ph, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 04/12; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn U sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1968; có vợ là Võ Thị N, sinh năm 1998 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018

Tiền án:

Ngày 09/01/2019, bị TAND thị xã Ph, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Ngày 28/4/2020, bị TAND thị xã Ph, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án Tích.

Bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông tại vụ án Kc – có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Văn H, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Dương Văn K quen nhau trong thời gian chấp hành án tại trại giam Đắk Plao. Sau khi chấp hành án xong, T và K tiếp tục liên lạc và rủ nhau trộm cắp xe máy để bán lấy tiền tiêu xài.

Ngày 01/8/2022, K đón T từ thành phố Đ, tỉnh Bình Phước lên nhà của K ở Bon J, xã Q với mục đích để đi trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện T. Khoảng 20 giờ cùng ngày, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Winer màu trắng, biển kiểm soát 93P2- 85.778 (xe mượn của Trần Nam T, sinh năm 1992, trú tại: xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước) chở T đi vào xã Q theo đường tỉnh lộ 681 tìm xe để trộm cắp. Khi đi ngang qua đoạn đường gần Chi cục thuế khu vực Đ, thuộc Thôn B, xã Q, K nhìn thấy một chiếc xe Winer, biển kiểm soát 48K1-167.29 của anh Phạm Văn H dựng ở bên hiên nhà, không có người trông coi nên K quay đầu xe rồi dừng xe, tắt máy đậu trước cổng nhà cảnh giới để T đi bộ vào trong sân nhà kiểm tra xe. Sau đó, T quay lại nói với K xe không có chìa khóa nhưng có thể đẩy đi rồi mở khóa sau, K đồng ý nên T đi vào sân dắt chiếc xe mô tô Winer ra. Sau đó, K nổ máy điều khiển xe biển số 93P2-85.778 đồng thời để chân phải của mình vào chỗ để chân bên trái của xe T vừa lấy trộm đẩy xe đi về hướng xã Q. Khi cả hai đi được khoảng 01 km, K và T rẽ vào một con hẻm nhỏ và dừng lại để T đấu dây điện nổ máy xe Winer mới trộm cắp được. Sau đó, cả 02 điều khiển 2 xe hướng ra huyện Đ để về Đồng Xoài, Khi tới địa phận huyện Đ, K nói với T đi trước, K ngủ lại nhà nghỉ để hôm sau lấy Giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Exciter của K tại cửa hàng T. Sáng hôm sau, do thiếu

tiền lấy Giấy đăng ký xe nên K gọi điện cho T bán chiếc xe Winer vừa mới trộm cắp để chuyển tiền cho K lấy Giấy đăng ký xe. T không bán mà sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi lại và chuyển cho K 5.000.000 đồng. Sau đó, T mang xe đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Thanh T (sinh năm: 1991 trú tại: xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước) cầm cố lấy số tiền 7.500.000 đồng. Ngày 06/8/2022, bạn của T (chưa xác định được nhân thân) đã đến chuộc lại chiếc xe nói trên với giá 8.000.000 đồng. Hiện chưa thu giữ được chiếc xe nói trên.

Ngày 09/08/2022, K và T tiếp tục đến địa bàn huyện Đ trộm cắp thêm một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ, biển kiểm soát 48H - 017.11 và bị Công an huyện Đ bắt giữ. Quá trình điều tra, Dương Văn K và Nguyễn Văn T đã tự khai nhận việc trộm cắp tại xã Q, huyện T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp nhận khởi tố điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL- HĐĐGTS ngày 07/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, loại Winer màu đen, biển kiểm soát 48K1-167.29 có giá trị tại thời điểm ngày 01/8/2022 là 19.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn H yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 21.000.000 đồng.

Cáo trạng số 55/CTr-VKS ngày 09/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đã truy tố bị cáo Dương Văn K về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức sau khi phân Tích Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã xác định: Vào khoảng 20 giờ ngày 01/8/2022, tại sân nhà anh Phạm Văn H thuộc Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, Dương Văn K và Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, biển số 48K1-167.29, trị giá 19.000.000 đồng của anh Hiếu. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1, khoản Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn H yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 21.000.000 đồng.

Đối với hành vi trộm cắp của Dương Văn K và Nguyễn Văn T ngày 18/08/2022, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo, ra lệnh tạm giam để điều tra về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hiện vụ án trên đã được chuyển đến Tòa án nhân dân huyện Đ để xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với Trần Nam T cho K mượn xe biển số 93P2- 85.778 nhưng không biết K mượn xe để đi trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Thanh T chủ tiệm cầm đồ, khi nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da, biển kiểm soát 48K1-167.29 của Nguyễn Văn T để cầm cố, anh Tâm không biết chiếc xe do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra; bị cáo K thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan; các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết Kch quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật nên vào khoảng 20 giờ ngày 01/8/2022, tại Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, Dương Văn K và Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, biển số 48K1-167.29 của anh Phạm Văn H. T mang xe đi cầm cố được số tiền 7.500.000 đồng và chuyển cho K 5.000.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Hon Da có giá trị tại thời điểm ngày 01/8/2022 là 19.000.000 đồng. Đối với bị cáo T, thời điểm phạm tội, bị cáo đã có 02 tiền án, đã tái phạm chưa được xóa án Tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội

của bị cáo là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Dương Văn K, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

**Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người Kc có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm tù:*

.....

*g. **Tái phạm nguy hiểm***

...”

[3] Xét Tính chất vụ án do bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn T gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người Kc, được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do ý thức coi thường pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo K có nhân thân xấu; bị cáo T có 02 tiền án. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã tự thú, tự khai ra hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; gia đình bị cáo K là hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Kết hợp tình tiết giảm nhẹ nêu trên để Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị hại anh Phạm Văn H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 21.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Hiếu, xét thấy việc thỏa thuận bồi thường là tự nguyện nên cần chấp nhận, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường mỗi bị cáo 10.500.000 đồng cho anh Hiếu

[6]. Về án phí: Bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Đối với Trần Nam T cho K mượn xe nhưng không biết K mượn xe để đi trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Thanh T chủ tiệm cầm đồ, khi nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da, biển kiểm soát 48K1-167.29 của Nguyễn Văn T để cầm cố, anh Tâm không biết chiếc xe do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1 Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù Tính từ bắt thi hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù Tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn T và bị hại Phạm Văn H. Buộc bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường mỗi bị cáo 10.500.000 đồng cho anh Phạm Văn H.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 525.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk nông;
- VKSND tỉnh Đắk nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk nông;
- Phòng PC 06, PC 10 - CA tỉnh Đắk nông;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Bị cáo; đương sự.
- Lưu, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phan Quang Trung**